

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số: 272/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2023

V/v: *Xin ly hôn.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Anh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Sơn;

Bà Trần Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Dáng Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 77/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thùy L, sinh 1985.

- Bị đơn: Anh Trần Gia Đ, sinh 1977.

Cùng địa chỉ: Ngõ X đường X, phường X, quận N, thành phố H.

Chị L có mặt, anh Đ có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn – chị Trần Thùy L trình bày: Tôi và anh Trần Gia Đ kết hôn năm 2004 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã X, huyện T, thành phố H (nay là UBND phường X, quận N, thành phố H). Trong quá trình chung sống, chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn bắt đầu từ năm 2016, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn thấu hiểu nhau, không nói chuyện được với nhau. Tôi đã chuyển nhà ra nơi khác ở từ tháng 8/2022. Tôi không còn biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Tôi xác định không còn tình cảm với anh Đ. Đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chúng tôi có ba con chung là cháu Trần Gia K, sinh 23/11/2007; cháu Trần Kim N, sinh 16/7/2012 và cháu Trần Gia K1, sinh 27/6/2014. Tôi có nguyện vọng xin được nuôi cả ba cháu và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, bị đơn – anh Trần Gia Đ trình bày: Tôi và chị Trần Thuỳ L kết hôn năm 2004 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã X, huyện T, thành phố H (nay là UBND phường X, quận N, thành phố H). Về mâu thuẫn gia đình như chị L trình bày: tôi không công nhận. Hiện chị L không ở nhà từ tháng 8/2022, tôi gọi điện, nhắn tin vợ tôi không trả lời. Tôi vẫn muốn vợ chồng đoàn tụ để có thể cải thiện tình cảm và giải quyết mâu thuẫn. Tôi không đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Chúng tôi có ba con chung là cháu Trần Gia K, sinh 23/11/2007; cháu Trần Kim N, sinh 16/7/2012 và cháu Trần Gia K1, sinh 27/6/2014. Tôi có nguyện vọng xin được nuôi cả ba cháu.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – chị Trần Thuỳ L vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn anh Trần Gia Đ. Chị đề nghị được nuôi cả ba con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, vay nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Bị đơn – anh Trần Gia Đ trình bày: Chị L kiên quyết xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn với chị L. Về con chung: Nếu buộc phải ly hôn, tôi không muốn ba con phải xa nhau nên nếu không được nuôi cả ba cháu thì tôi đồng ý để chị L nuôi cả ba con chung. Nếu chị L có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tôi cũng đồng ý cấp dưỡng tuy nhiên cân nhắc số tiền cấp dưỡng sau.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu ý kiến: Việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX tại phiên tòa sơ thẩm cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: mâu thuẫn của anh chị chưa

đến mức độ trầm trọng; anh Đ vẫn còn tình cảm với chị L, đề nghị Tòa án bác đơn ly hôn của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về thủ tục tố tụng:

Đơn yêu cầu và các tài liệu chứng cứ kèm theo của chị Trần Thuỳ L đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh Trần Gia Đ có địa chỉ: Ngõ X đường X, phường X, quận N, thành phố H là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Xét yêu cầu “*Xin ly hôn*” của chị L với anh Đ , Hội đồng xét xử thấy: Anh Trần Gia Đ và chị Trần Thuỳ L kết hôn năm 2004 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã X, huyện T, thành phố H (nay là UBND phường X, quận N, thành phố H).

Theo chị L trình bày: Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn thấu hiểu nhau, không nói chuyện được với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022. Chị L đã chuyển nhà ra nơi khác ở từ tháng 8/2022 và không còn biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Chị xác định không còn tình cảm với anh Đ và kiên quyết xin ly hôn với anh Đ .

Anh Đ cho rằng: Vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn tuy nhiên chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Anh Đ đã cố tìm cách để chị L thay đổi ý định tuy nhiên chị L không cho anh cơ hội để hàn gắn. Chị L và anh Đ hiện không còn sống chung. Nay chị L kiên quyết xin ly hôn anh không đồng ý.

Tòa án tiến hành xác minh tại Tổ dân phố anh Đ và chị L từng sinh sống, TDP cho biết không nắm được mâu thuẫn gia đình của anh chị. Tòa án đã lấy ý kiến của chị Trần Ngọc T – là chị gái ruột chị L, chị T cho biết hai vợ chồng anh Đ , chị L đã sống ly thân và chị L đã chuyển đi nơi khác khoảng 01 năm nay. Trước khi ra ở riêng chị L và anh Đ đã xảy ra cãi vã, xung đột trong khi sống chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Thực tế, cuộc sống hôn nhân của anh Đ , chị L không còn tồn tại, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Bản thân anh Đ cũng đã cố gắng tìm các biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng tuy

nhiên vẫn không có kết quả. Như vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn. Vì vậy Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, cho chị L ly hôn với anh Đ .

- Con chung: Anh chị có ba con chung là cháu Trần Gia K, sinh 23/11/2007; cháu Trần Kim N, sinh 16/7/2012 và cháu Trần Gia K, sinh 27/6/2014. Xét thấy: chị L và anh Đ đều mong muốn cả ba cháu được ở cùng với nhau và đều xin được nuôi cả ba cháu và không yêu cầu cấp dưỡng. HĐXX xét thấy nguyện vọng của hai cháu nhỏ xin ở với mẹ. Chị L có thu nhập ổn định và đã cung cấp được cho Tòa án tài liệu chứng minh thu nhập. Tại phiên tòa, anh Đ không cung cấp được cho Tòa án các tài liệu chứng minh thu nhập. Vì vậy giao cả ba cháu cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: do chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Đ cho đến khi có sự thay đổi, thỏa thuận khác.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[III] *Về án phí*: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4, Điều 147; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thuỳ L đối với anh Trần Gia Đ . Cho chị L được ly hôn với anh Đ .

2/ Về con chung: Anh chị có ba con chung là cháu Trần Gia K, sinh 23/11/2007; cháu Trần Kim N, sinh 16/7/2012 và cháu Trần Gia K, sinh 27/6/2014. Giao cả ba cháu cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Đ cho đến khi có sự thay đổi, thỏa thuận khác.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản.

3/ Tài sản chung, vay nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Trần Thuỳ L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2020/0035069 ngày 22/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- Các đương sự;
- UBND phường X, quận N, thành phố H;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thuý Anh